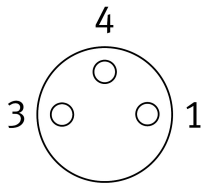


Cáp kết nối  
**SIM-M8-3WD-2,5-PU**  
Số bộ phận: 159422

FESTO



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                                        | EN 61076-2-104<br>EN 61984                                                                                                      |
| Cổng nối điện                                               | 3 chân / 3 lõi<br>Ổ cắm góc / đầu mở<br>M8x1 / -                                                                                |
| Dải điện áp hoạt động DC                                    | 0 V...60 V                                                                                                                      |
| Dải điện áp hoạt động AC                                    | 0 V...60 V                                                                                                                      |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 °C                              | 4 A                                                                                                                             |
| Độ chịu điện áp xung                                        | 1.5 KV                                                                                                                          |
| Chiều dài cáp                                               | 2.5 m                                                                                                                           |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | Tiêu chuẩn                                                                                                                      |
| Dòng điều kiện kiểm tra                                     | Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo<br>Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu<br>Màng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 75 mm |
| Đường kính cáp                                              | 3.8 mm                                                                                                                          |
| Cấu tạo cáp                                                 | 3 x 0,25 mm <sup>2</sup>                                                                                                        |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.25 mm <sup>2</sup>                                                                                                            |
| Mã màu cách điện dây                                        | màu xanh dương<br>màu nâu<br>màu đen                                                                                            |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65<br>IP68                                                                                                                    |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -25 °C...80 °C                                                                                                                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...80 °C                                                                                                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                    |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện                                             |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                                                                                                                  |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen<br>không axit photphoric este                                                               |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                                                                                                                               |

| Đặc tính                         | Giá trị                |
|----------------------------------|------------------------|
| Lớp chống ăn mòn KBK             | 2 - bị ăn mòn vừa phải |
| Vật liệu vỏ bọc cáp              | TPE-U (PU)             |
| Màu vỏ cáp                       | xám                    |
| Vật liệu vỏ                      | TPE-U (PU)             |
| nhà màu                          | màu đen                |
| Vật liệu đai ốc ren              | Đồng thau mạ niken     |
| Vật liệu của phốt                | NBR                    |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm | Đồng thau, mạ vàng     |
| Vật liệu vỏ cách điện            | PP                     |